TOÀ ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 3**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 07/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 3

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 2// Vũ Tuấn Dũng

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Vũ Quang Trung;

2// Triệu Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** 3/ Nguyễn Văn Hoà, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31 tham gia phiên tòa:

2// Nguyễn Xuân Tuân, kiểm sát viên;

1// Nguyễn Đức Duy, kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2024, tại Hội trường, L454, Quân khu 3, Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 26/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 26/7/2024 đối với bị cáo:

Trịnh Lê T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/7/2005; nơi sinh: Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: B2, C4, D2, L454, Quân khu 3; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Binh nhất, chiến sĩ, B2, C4, D2, L454, Quân khu 3; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hồng P và bà Lê Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính hay xử lý kỷ luật, trước khi phạm tội bị cáo có hành vi vắng mặt trái phép tại đơn vị; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 26/5/2024 đến ngày 03/6/2024; bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 04/6/2024 đến nay, có mặt.

**Bị hại*: Ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 19/5/1969; nơi cư trú: Tổ 29, Khu 4, phường B, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ quan đến vụ án:*

- Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/9/1959; nơi cư trú: Tổ 6, Khu 4, Phường V, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Cao Văn T1, sinh ngày 10/9/2001; nơi cư trú: Khu B1, Phường Y, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

**Người làm chứng:* Chị Lê Thị L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Lê T là chiến sĩ của D2, L454, Quân khu 3. Từ 07 giờ ngày 11/5/2024 đến 17 giờ ngày 21/5/2024 T được đơn vị cho nghỉ phép về thăm gia đình. Hết thời gian nghỉ phép nhưng T không trở lại đơn vị. Khoảng hơn 10 giờ ngày 24/5/2024, T điều khiển xe mô tô biển số (BS) 14P6-3422 (là xe mượn của anh H1) đi từ Đường D ra Quốc lộ 18 thuộc Tổ 36B, Khu 10, Phường Q, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Thấy ông Nguyễn Văn M làm nghề lái xe ôm đang ngồi chơi điện thoại trên vỉa hè trước cửa quán bia L1 ở khu vực tiếp giáp giữa Đường D và Quốc lộ 18; T điều khiển xe đi qua, đi lại chỗ ông M thì bất ngờ áp sát dùng tay phải giật chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu đen trị giá 833.000 đồng trên tay ông M, rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy trên Quốc lộ 18 theo hướng về thị xã Đ. Ông M liền điều khiển xe mô tô của mình đuổi theo; đến gần ngã tư trước cổng Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển thì đuổi kịp và nói với T "*trả điện thoại đây*" nhưng T vẫn tăng ga bỏ chạy. Sau đó, ông M đã đến Công an Phường Q, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trình báo sự việc. Sau khi lấy được điện thoại, T tháo ốp lưng, sim của điện thoại vứt bỏ trên đường, rồi đem bán cho bà Nguyễn Thị H ở quán sửa chữa điện thoại Đ1 Vinaphone thuộc Phường V, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được 600.000 đồng. Số tiền này T dùng để trả tiền thuê phòng tại nhà nghỉ H2 của anh Cao Văn T1. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T bị công an Phường Q, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đưa về trụ sở làm việc.

Tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra, bị cáo đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng và bồi hoàn cho bà H, anh T1 mỗi người 600.000 đồng.

Ngoài những nội dung nêu trên, bị hại Nguyễn Văn M còn khai nhận: Sau khi xảy ra sự việc, mẹ của bị cáo T đã thăm hỏi, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho tôi với tổng số tiền 2.500.000 đồng. Tôi không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị H, Cao Văn T1 và người làm chứng Lê Thị L đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa.

Kết luận định giá số 18/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu đen đã qua sử dụng có trị giá 833.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 294/CT-VKSKV31 ngày 26/7/2024, Viện kiểm sát quân sự khu vực 31 (VKSQSKV31) truy tố Trịnh Lê T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, KSV giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trịnh Lê T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội hậu quả vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo; KSV đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Trịnh Lê T phạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo Trịnh Lê T từ 30 đến 33 tháng tù, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/5/2024 đến ngày 03/6/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 2.500.000 đồng; bồi hoàn cho bà H 600.000 đồng và cho anh T1 600.000 đồng. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ số tiền trên theo các Biên bản giao nhận các ngày 05/6/2024; 06/6/2024 và 13/6/2024. Xét thấy việc bồi thường, bồi hoàn trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật; tại phiên tòa các bên không có ý kiến gì khác nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đối với số tiền 600.000 đồng bị cáo đã trả tiền thuê nhà nghỉ H2 mà anh T1 đã giao nộp lại cho cơ quan tố tụng; quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhờ gia đình bồi hoàn cho anh T1 toàn bộ số tiền nêu trên nên cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại cho bị cáo theo Biên bản ngày 25/7/2024 là đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu đen đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định pháp luật; chiếc xe mô tô BS 14P6-3422 được bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết trong một vụ án khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Trịnh Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại đều nhất trí với nội dung lời luận tội của KSV không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Tòa xem xét điều kiện, hoàn cảnh của gia đình để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 3; VKSQSKV31; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được thẩm tra, xác minh hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau. HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng hơn 10 giờ ngày 24/5/2024, tại khu vực trước cửa quán bia L1 thuộc Tổ 36B, Khu 10, Phường Q, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, lợi dụng sơ hở khi ông Nguyễn Văn M đang tập trung chơi điện thoại; Trịnh Lê T đã điều khiển xe mô tô BS 14P6-3422 áp sát giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu đen trị giá 833.000 đồng trên tay ông M rồi bỏ chạy trên Quốc lộ 18 về hướng thị xã Đ.

Bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện để chiếm đoạt tài sản là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có hành vi vắng mặt trái phép sau khi hết thời gian nghỉ phép từ 07 giờ ngày 11/5/2024 đến 17 giờ ngày 21/5/2024 nên đã vi phạm quy định tại Điều 20 Thông tư số 143/2023/TT-BQP ngày 27/12/2023 của Bộ Quốc phòng quy định xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam nên đề nghị D2, L454, Quân khu 3 hướng dẫn đơn vị xử lý kỷ luật bị cáo theo thẩm quyền.

[03] Nội dung lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật. Đề nghị của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án được HĐXX chấp nhận.

[04] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và bồi hoàn cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[05] Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt trái phép tại đơn vị; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bố bị cáo đang phải chấp hành án tại trại giam; bố mẹ bị cáo đã ly hôn.

[06] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian được đơn vị tạo điều kiện cho nghỉ phép về thăm gia đình bị cáo không chấp hành nghiêm các cam kết và quy định của đơn vị, vi phạm pháp luật vắng mặt trái phép; sau đó bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện các chế độ của đơn vị và hình ảnh người chiến sĩ trong quân đội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo; HĐXX thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[07] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường và bồi hoàn toàn bộ cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn M 2.500.000 đồng; bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị H 600.000 đồng và bồi hoàn cho anh Cao Văn T1 600.000 đồng. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ số tiền trên theo các Biên bản giao nhận các ngày 05/6/2024, 06/6/2024 và 13/6/2024. Xét thấy việc bồi thường và bồi hoàn nêu trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được HĐXX ghi nhận.

Đối với số tiền 600.000 đồng bị cáo bán điện thoại chiếm đoạt được đã sử dụng để trả tiền thuê nhà nghỉ; anh T1 đã nộp lại số tiền trên cho cơ quan tiến hành tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhờ gia đình bồi hoàn cho anh T1 toàn bộ số tiền này nên cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại bị cáo số tiền nêu trên theo Biên bản ngày 25/7/2024 là đúng quy định của pháp luật; vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[07] Về xử lý vật chứng: Tài sản chiếm đoạt đã được bị cáo bồi thường xong toàn bộ cho bị hại nên chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 8 màu đen đã trả lại cho bị cáo theo Biên bản ngày 25/7/2024 là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô BS 14P6-3422 mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội được bàn giao cho CQCSĐT Công an Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết trong vụ án khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[08] Về án phí**:** Căn cứ quy định tại Điều 135; Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Trịnh Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 của BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Trịnh Lê T phạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo Trịnh Lê T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 07/8/2024) được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/5/2024 đến ngày 03/6/2024.

2. Về các biện pháp tư pháp

Ghi nhận bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn M số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng; bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị H 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng và bồi hoàn cho anh Cao Văn T1 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Bị hại, bà H và anh T1 đã nhận đủ số tiền trên theo các Biên bản giao nhận ngày 05/6/2024, 06/6/2024 và 13/6/2024.

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo Trịnh Lê T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/8/2024) đối với bị cáo và bị hại; kể từ ngày nhận được bản án đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bị cáo, bị hại và đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 3./.

Nơi nhận:
- Bị cáo(01);
- Bị hại(01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án(02);
- Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3(01);
- VKSQSKV31 (01);
- Cơ quan Thi hành án hình sự Quân khu 3(01);
- Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân khu 3(01);
- Phòng Thi hành án Quân khu 3(01);
- Trại tạm giam Quân khu 3 (01);
- Tòa án quân sự Trung ương(02);
- Hồ sơ vụ án(02);
- Lưu tiểu hồ sơ(01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2// Vũ Tuấn Dũng